| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 01-2026
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Văn Đoàn

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Mai Hương

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Lê Na - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1500/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4248/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4996/2025/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1994

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T (xã P, huyện T cũ), tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn*: Ông Huỳnh Khánh T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số B Đường số I, phường T (Khu phố D, phường B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

*(Bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt, ông Huỳnh Khánh T vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà và ông Huỳnh Khánh T tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2020 ngày 03/9/2020.

Thời gian đầu năm 2020 vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Từ năm 2022, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng khác biệt về tính cách, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Bà H và ông T đã không còn sống chung từ tháng 03/2022 đến nay. Bà H xác định bà và

ông T không còn khả năng quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Khánh T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông T có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Gia H1, sinh ngày 09/7/2020. Bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H và ông T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà H không có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Bị đơn ông Huỳnh Khánh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án có vi phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông Huỳnh Khánh T đang thực tế cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 –

Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Huỳnh Khánh T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Khánh T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2020 ngày 03/9/2020, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn với ông Huỳnh Khánh T:

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, hai vợ chồng cần có sự yêu thương, quan tâm, cùng nhau chia sẻ, vun đắp gia đình. Tuy nhiên, theo bà H trình bày: Từ năm 2020, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do khác biệt về tính cách, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Bà và ông T đã không còn sống chung từ năm 2022 đến nay. Từ đó dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Hai bên đã nhiều lần tạo cơ hội đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không làm rõ được mâu thuẫn.

Qua ý kiến trình bày của bà H, sự vắng mặt của ông T, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh số 260 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/9/2020, có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Khánh T có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Gia H1, sinh ngày 09/7/2020.

Đối với yêu cầu của bà H về việc trực tiếp nuôi dưỡng: Xét, việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Bà H có yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con vì bà có thu nhập ổn định để nuôi con, con do bà trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc từ khi vợ chồng mâu thuẫn đến nay. Trẻ cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải. Tuy nhiên ông T không có ý kiến phản hồi về yêu cầu nuôi con chung, nên yêu cầu giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà H xác định không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Bà H xác định không có.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 19; 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Huỳnh Khánh T.

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Nguyễn Gia H1, sinh ngày 09/7/2020 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H về việc không yêu cầu ông Huỳnh Khánh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H xác định tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000509 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Nguyễn Thị H, ông Huỳnh Khánh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

***Nơi nhận:***
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV2 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hà Văn Đoàn**